

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Biên bản lấy lời khai của đương sự, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 638/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022 về việc: “TrA chấp về chia thừa kế tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai T Nhã Nguyên, sinh năm 1990.

Địa chỉ: A đường B, khu phố C, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền bà Hà Thị T, sinh năm 1971 theo văn bản uỷ quyền ngày 27/9/2022.

Bị đơn:

1. Ông Mai Văn U, sinh năm: 1975

2. Bà Đoàn Kim T, sinh năm 1980

3. Bà Hồ Thị N, sinh năm 1951

Cùng địa chỉ: A đường B, khu phố C, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Mai Thị P, sinh năm 1973

Địa chỉ: A đường B, khu phố C, phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Mai Thị Thủy T, sinh năm 1989

3. Ông Mai Văn T, sinh năm 1971

4. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: A đường B, khu phố C, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Căn nhà địa chỉ số 19 đường số 5, khu phố 5, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ADD 757699 vào sổ số H 01808 ngày 18/4/2006, đăng ký thay đổi ngày 05/5/2022 cho ông Mai Văn U và bà Đoàn Kim T là di sản của cụ Mai Văn Đực có giá trị 17.469.000.000 (mười bảy tỷ, bốn trăm sáu mươi chín triệu) đồng. Căn nhà nêu trên được chia làm 06 phần, phần giá trị mỗi người được nhận là 2.779.333.000 đồng (tương đương 1/6 giá trị sau khi đã trừ đi giá trị của phần diện tích 25m² cụ Mai Văn Đực và cụ Hồ Thị Năm đã chuyển nhượng trước cho ông Mai Văn U). Cụ Hồ Thị Năm tự nguyện cho ông Mai Văn U phần giá trị của mình được nhận.

- Ông Mai Văn U và bà Đoàn Kim T có trách nhiệm giao cho bà Mai T Nhã N, bà Mai Thị P và ông Mai Văn T mỗi người số tiền 2.779.000.000 (hai tỷ, bảy trăm bảy mươi chín triệu) đồng. Riêng phần của ông Mai Văn T được cụ Hồ Thị Năm và bà Nguyễn Thị Kim A cùng quản lý, mỗi người quản lý một nửa giá trị.

- Ông Mai Văn U và bà Đoàn Kim T có trách nhiệm giao cho bà Mai Thị Thủy T số tiền 2.037.000.000 (hai tỷ, không trăm ba mươi bảy triệu) đồng (đã trừ đi phần diện tích 15m² bà Mai Thị Thủy T đã chuyển nhượng cho ông Mai Văn U, còn lại 38,9m²).

- Sau khi thực hiện các nghĩa vụ nêu trên, ông Mai Văn U và bà Đoàn Kim T được toàn quyền sở hữu và sử dụng đối với căn nhà số 19 đường 5, khu phố 5, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ADD 757699 vào sổ số H 01808 ngày 18/4/2006, đăng ký thay đổi ngày 05/5/2022 cho ông Mai Văn U và bà Đoàn Kim T.

- Trường hợp tài sản trA chấp là căn nhà số 19 đường 5, khu phố 5, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phải đưa ra thi hành án thì bà Mai Thị P, ông Mai Văn T, bà Mai Thị Thủy T và bà Mai T Nhã N được nhận phần giá trị tính trên phần nhà đất theo giá trị tài sản tại thời điểm được thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi

suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Bà Mai Thị Thủy T phải chịu 36.370.000 (ba mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi nghìn) đồng; ông Mai Văn T, bà Mai T Nhã N, bà Mai Thị P và ông Mai Văn U mỗi người phải chịu 43.790.000 (bốn mươi ba triệu, bảy trăm chín mươi nghìn) đồng. Riêng bà Mai T Nhã N được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0028233 ngày 05/9/2022 và 600.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006448 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N còn phải nộp thêm 38.190.000 (ba mươi tám triệu, một trăm chín mươi nghìn) đồng. Riêng cụ Hồ Thị Năm, sinh năm 1951 thuộc trường hợp được miễn án phí.

Ông Mai Văn U, bà Mai Thị P, ông Mai Văn T và bà Mai Thị Thủy T mỗi người có trách nhiệm hoàn lại cho bà Mai T Nhã N số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng tiền tạm ứng chi phí định giá và xem xét thẩm định tài sản.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân TP. Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Đinh Khắc Hưng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).